BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
-------ꕥ0ꕥ-------

NGUYỄN THANH HẢI

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ CHÍNH KHÓA Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHU VỰC MIỀN TRUNG TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

Chuyên ngành: Quản lý Giáo dục

Mã số: 62.14.01.14

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

HÀ NỘI - 2017

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học:

PGS.TS. Nguyễn Dục Quang

PGS.TS. Nguyễn Xuân Thanh

Phản biện 1: PGS.TS T Trần Khánh Đức

Phản biện 2: PGS.TS Trần Kiểm

Phản biện 3: PGS.TS Nguyễn Thành Vinh

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận án cấp trường tại trường Đại học sư phạm Hà Nội

Ngày……tháng…. Năm 2017

Có thể tìm hiểu luận án tại:

Thư viện Quóc Gia Hà Nội hoặc

Thư viện Đại học sư phạm Hà Nội

CÁC CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

1. Nguyễn Thanh Hải (2012) "*Một số biện pháp quản lý HĐGDNGLL ở Trường Đại học*" Tạp chí giáo dục số 286 tr 8-10.
2. Nguyễn Thanh Hải (2012) "*Vị Trí, vai trò, ý nghĩa của HĐGDNGLL đối với sự phát triển nhân cách của sinh viên*" Tạp chí giáo dục số 290 tr 14-15.
3. Nguyễn Thanh Hải (2016) *"Nhận thức về hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho sinh viên của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên trường Đại học Phạm Văn Đồng*" Tạp chí giáo dục số đặc biệt T 7 tr 15-19.
4. Nguyễn Thanh Hải (2016) "*Đổi mới giáo dục và những vấn đề đặt ra với công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho sinh viên*" Tap chí giáo dục số 403 T4 tr 7-10

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Con người là nhân tố rất quan trọng tạo nên sự phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn phát triển, giữ vị trí trung tâm, quyết định đối với toàn bộ hệ thống các nhân tố khác tạo nên sự phát triển chung của xã hội. Trong thời đại mới, khi xã hội phát triển càng nhanh, càng sâu sắc nhờ ảnh hưởng và tác động của khoa học kỹ thuật, công nghệ thì thông qua giáo dục, sự phát triển trí tuệ của con người có địa vị hết sức trọng yếu. Nhờ có trí tuệ phát triển cao, con người lại tạo nên những giá trị cao trên tất cả các giá trị khác, tạo nên quyền lực, nói cách khác nếu giáo dục làm đúng, làm tròn trách nhiệm của mình sẽ tạo nên động lực thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của xã hội.

Đối với thế hệ trẻ, đặc biệt là sinh viên, mục đích giáo dục là làm cho họ trở thành những nhân cách toàn diện. Một lớp thanh niên có văn hóa, có khoa học và kỹ thuật, tích cực năng động và sáng tạo, có khả năng lao động và lao động có năng suất cao trong một nền công nghiệp tiên tiến. Một lớp thanh niên có ý chí vươn lên vì sự thành đạt, vì sự tiến bộ của bản thân và sự phồn vinh của đất nước.

Trong xu thế hiện nay giáo dục Đại học giữ một vai trò quan trọng trong việc tạo dựng mặt bằng dân trí, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Do vậy việc nâng cao chất lượng giáo dục Đại học trở nên vô cùng cấp thiết, trong đó học sinh sinh viên là người đóng một vị trí trung tâm trong quá trình giáo dục.

- Điều 2 luật giáo dục (2005) ghi rõ: " *Mục tiêu giáo dục đào tạo là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, có tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"*

- Những giá trị đạo đức và nghề nghiệp của thanh niên được hình thành không chỉ bằng giờ học trên lớp mà còn được rèn luyện, củng cố thông qua các hoạt động giáo dục, trong đó có hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

- Hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa là một khâu, một bộ phận của toàn bộ quá trình giáo dục, phát triển của sinh viên. Hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa sẽ góp phần củng cố, mở rộng tri thức, rèn luyện kỹ năng, phát triển xúc cảm, tình cảm, đạo đức của sinh viên...bằng sự gián tiếp trong tập thể, giữa các tập thể và với xã hội. Từ đó hình thành cho sinh viên kỹ năng tự quản và tổ chức các hoạt động, đặc biệt hình thành cho các em tính năng động, sáng tạo, kỹ năng sống, khả năng giao tiếp...

Thực tế những năm gần đây cho thấy hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của sinh viên ngày càng đa dạng và phong phú. Ngoài giờ học ở nhà trường các em có thể tham gia học tập để nâng cao kiến thức, có thể đi làm để kiếm thêm thu nhập trang trải cho việc học tập, có thể tham gia vào các hoạt động chính trị xã hội, văn hóa văn nghệ - TDTT

... do nhà trường, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị trong và ngoài nhà trường tổ chức cho sinh viên.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, một vài hình thức hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của sinh viên hiện nay xuất hiện rất rõ những mặt tiêu cực. Sự giao thoa của các nền văn hoá đã phần nào làm thay đổi định hướng giá trị trong HS-SV, việc sinh viên tham gia vào các loại tệ nạn xã hội: rượu, chè, cờ bạc, mại dâm, ma túy ... vấn đề đáng báo động.

Công tác quản lý HĐGDNGCK của các Trường Đại học còn bộc lộ nhiều hạn chế và bất cập do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Nhưng nguyên nhân cơ bản là Nhà trường còn xem nhẹ công tác giáo dục toàn diện trong đó có tổ chức các HĐGDNGCK, chỉ quan tâm đến giáo dục chính trị tư tưởng, học tập NCKH, văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao một cách đơn thuần do các tổ chức đoàn thể và các phòng ban chức năng trong Nhà trường tổ chức, chưa có kế hoạch cụ thể, chỉ đạo và kiểm tra hoạt động này một cách có hệ thống.

Trong những năm gần đây yêu cầu đổi mới căn bản giáo dục Đại học với mục tiêu; tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học.

Việc chuyển sang đào tạo tín chỉ đã làm thay đổi rất lớn cách nhìn của sinh viên đối với các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Đối với công tác quản lý và tổ chức các hoạt động cho sinh viên phải thay đổi rất lớn để đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của sinh viên.

Mặc khác lĩnh vực này còn ít người nghiên cứu hoặc nghiên cứu không sâu, chưa có nhiều nghiên cứu về hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ở bậc đại học, mà chỉ có ở trường phổ thông.

Nhận thấy được tầm quan trọng của các hoạt động giáo dục ngoài giờ trong việc nâng cao kỹ năng sống góp phần giáo dục toàn diện cho sinh viên học sinh, tháng 2 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành thông tư quy định về việc Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa, trong đó sinh viên các Trường Cao đẳng, Đại học là một trong những đối tượng áp dụng. Đây có thể là một thể chế để công tác quản lý các hoạt động giáo dục ngoài giờ của sinh viên được hiểu một cách sâu sắc hơn. Nhận thức được trách nhiệm về việc nghiên cứu và đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa phù hợp, khả thi, góp phần hạn chế được những yếu kém tồn tại, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả và uy tín của công tác quản lý giáo dục và đào tạo. Điều đó đã thúc đẩy tôi chọn đề tài: *"**Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ở Trường Đại khu vực Miền Trung trong bối cảnh đổi mới giáo dục"*** làm luận án Tiến sĩ.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đề xuất hệ thống biện pháp quản lý HĐGDNGCK của sinh viên ở Trường Đại học, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục toàn diện cho sinh viên Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

3. KHÁCH THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

3.1. Khách thể nghiên cứu

Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của sinh viên ở Trường Đại học khu vực miền Trung.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của sinh viên ở trường Đại học trong bối cảnh cầu đổi mới giáo dục.

4. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC

Việc quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của sinh viên ở Trường Đại học trong thời gian qua đã đạt được một số kết quả song vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập. Nếu xác lập được hệ thống các biện pháp quản lý hoạt động này một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện và đặc điểm của Trường Đại học thì sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục và nhu cầu của xã hội trong giai đoạn hiện nay.

5. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

5.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý HĐGDNGCK của sinh viên ở Trường Đại học.

5.2. Đánh giá thực trạng hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa, quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của sinh viên ở Trường Đại học khu vực Miền Trung.

5.3. Đề xuất hệ thống các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ở Trường Đại học khu vực Miền Trung.

5.4. Thử nghiệm các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ở Trường Đại học.

6. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

6.1. Nghiên cứu các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa cho sinh viên Đại học hệ chính qui của các Trường Đại học ở Việt Nam.

6.2. Khảo sát thực trạng quản lý các HĐGDNGCK ở một số Trường Đại học ở Miền Trung Việt Nam: ĐH Sư phạm thuộc ĐH Đà Nẵng, Đại học Phạm Văn Đồng, Đại học Tài chính Kế Toán, Đại học Quy Nhơn, Đại học Huế, Đại học Quảng Nam, Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh (Chi nhánh Quảng Ngãi), Đại học Duy Tân.

6.3. Đối tượng khảo sát

- CBQL, GV, SV hệ chính quy của một số Trường Đại học ở khu vực Miền Trung Việt Nam

- Một số tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp, cán bộ quản lý hành chính nhà nước ở một số địa phương nơi có các Trường Đại học đóng trên địa bàn.

7. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

7.1. Các quan điểm phương pháp luận

Chúng tôi dựa trên những cơ sở PP luận tiếp cận như sau:

7.1.1. Tiếp cận hoạt động: Nghiên cứu hoạt động GDNGCK và QLHĐGDNGCK ở Trường Đại học để có thể đề xuất những biện pháp quản lý hiệu quả góp phần nần cao hiệu quả công tác giáo dục toàn diện cho sinh viên.

7.1.2. Tiếp cận hệ thống cấu trúc: Nghiên cứu công tác QLHĐGDNGCK ở Trường Đại học và các yếu tố khác...giúp người nghiên cứu hiểu sâu rộng, biết chọn lọc, tích hợp những biện pháp QLHĐGDNGCK hiệu quả và mang tính khả thi.

7.1.3. Tiếp cận quá trình: Nghiên cứu thực trạng công tác QLHĐGDNGCK để hiểu rõ về công tác tổ chức các HĐGDNGCK, mức độ tổ chức cũng như các hứng thú của sinh viên trong hoạt động này để có định hướng rõ hơn về cách chỉ đạo trong việc tổ chức các HĐGDNGCK.

7.1.4. Tiếp cận Tiếp cận phát triển năng lực :

7.2. Các phương pháp nghiên cứu lý luận

7.3. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

1. Quan sát: Thực trạng quá trình QLHĐGDNGCK, quá trình tổ chức các HĐGDNGCK cho sinh viên Đại học.

2. Điều tra: CBQL, SV, GV và một số tổ chức có liên quan qua bảng hỏi để nắm được nội dung, hình thức các hoạt động, mức độ tổ chức các hoạt động ngoài giờ cho sinh viên, hứng thú của sinh viên khi tham gia các hoạt động ngoài giờ.

- Phỏng vấn: CBQL, SV, GVđể hiểu sâu sắc về thực trạng HĐGDNGCK và QLHĐGDNGCK cũng như ý kiến đánh giá của họ về tác động của HĐGDNGCK đối với sinh viên.

- Thực nghiệm sư phạm: Chúng tôi tiến hành thực nghiệm một số biện pháp QLHĐGDNGCK để kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả của đề tài nghiên cứu.

7.4. Phương pháp xử lý thông tin

Chúng tôi dùng Toán thống kê và phần mềm SPSS để xử lý số liệu cho đề tài.

8. LUẬN ĐIỂM BẢO VỆ

8.1. HĐGDNGCK của SV các Trường ĐH là yếu tố quan trọng trong việc rèn luyện, phát triển nhân cách, năng lực cho sinh viên làm cho sinh viên có khả năng thích ứng, năng động, sáng tạo trong học tập và rèn luyện.

8.2. HĐGDNGCK và QLHĐGDNGCK ở khu vực duyên hải Miền Trung có vai trò quan trọng trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. Nếu có một hệ thống quản lý thống nhất sẽ nâng cao công tác giáo dục toàn diện cho sinh viên .

8.3. Các giải pháp QLHĐGDNGCK được xây theo tiếp cận chức năng quản lý sẽ giải quyết được những hạn chế và nâng cao chất lượng HĐGDNGCK ở trường Đại học trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

9. ĐIỂM MỚI CỦA LUẬN ÁN

Làm sáng tỏ và phong phú thêm lý luận về QLHĐGDNGCK của SV các Trường Đại học.

- Đánh giá được thực trạng công tác QLHĐGDNGCK của SV tại các Trường ĐH tại khu vực Miền Trung ở Việt Nam.

- Đề xuất được các giải pháp QLHĐGDNGCK của SV trên cơ sở nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn áp dụng cho các Trường Đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và yêu cầu của xã hội.

10. CẤU TRÚC CỦA LUẬN ÁN

Ngoài phần mở đầu và kết luận, Luận án gồm 3 chương với tổng số là trang.

- Mở đầu

***Chương 1*:** Cơ sở lý luận về quản lý HĐGDNGCK của sinh viên ở Trường Đại học

***Chương 2*:** Thực trạng QLHĐGDNGCK của sinh viên ở Trường Đại học

***Chương 3*:** Các biện pháp QLHĐGDNGCK của sinh viên ở Trường Đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

- Kết luận và kiến nghị
- Danh mục các công trình lên quan đến luận án đã công bố
- Tài liệu tham khảo
- Phụ lục

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HĐGDNGCK CỦA SINH VIÊN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

1.1. Tổng quan lịch sử nghiên cứu vấn đề

HĐGDNGCK là những hoạt động giáo dục tiếp nối hoạt động dạy học trên lớp, là con đường gắn lý thuyết với thực tiễn, tạo nên sự thống nhất giữa nhận thức và hành động của sinh viên, góp phần thực hiện nguyên lý "Học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn, nhà trường gắn liền với xã hội" và cũng để góp phần phát triển toàn diện thế hệ trẻ.

HĐGDNGCK được tiến hành trong mối quan hệ biện chứng với việc tổ chức hoạt động dạy học ở trên lớp giúp sinh viên hình thành và phát triển nhân cách toàn diện.

1.1.1. Các nghiên cứu về HĐGDNGCK

1.1.1.1. Trên thế giới

Trong quá trình phát triển của khoa học giáo dục, hoạt động dạy học được nghiên cứu một cách có hệ thống từ thời Cômenxki tới nay; nhưng HĐGDNGCK dường như ít được sự quan tâm của các nhà khoa học, tuy trong lịch sử cũng có những nghiên cứu đề cập đến vấn

đề này. Rabơle (1494 - 1553) cho rằng: " *trí dục, đạo đức, thể chất và đã có sáng kiến tổ chức các hình thức giáo dục như ngoài việc học ở lớp và ở nhà còn có các buổi tham quan các xưởng thợ, các cửa hàng, tiếp xúc các nhà văn, các nghệ sỹ, đặc biệt là mỗi tháng một lần thầy và trò về sông ở nông thôn một ngày.*" (20, trang 39,40) [tr 20, 39-40].

1.1.1.2. Ở Việt Nam

HĐGDNGCK ở Việt Nam đã được quan tâm. Từ năm 1990 về trước HĐGDNGCK được coi là hoạt động ngoại khóa. Những tác giả đặt dấu mốc cho nghiên cứu HĐGDNGCK là Phạm Hoàng Gia, Nguyễn Huy Tú[28], Đỗ Hồng Anh, Nghiêm Thị Phiến, Nguyễn Lê Đắc[22], Vũ Hồng Khanh, Hà Nhật Thăng[42]. Do nhận thức chưa đúng, chưa thống nhất tổ chức quản lý, kiểm tra đánh giá.... nên việc thực hiện HĐGDNGCK đạt hiệu quả thấp.

1.1.2. Các nghiên cứu về QLHĐGDNGCK

1.1.2.1. Trên Thế giới

Đối với các công trình nghiên cứu về HĐGDNGCK và một số nghiên cứu có liên quan, tác giả Sỹsuvăn Sỹph ômPhăcdy với: "*Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp của sinh viên nội trú các trường đại học CHDCND Lào*" đã nghiên cứu về việc quản lý các HĐGDNGCK của sinh viên nội trú với rất nhiều giải pháp hay, tuy nhiên trong luận án, tổng quan các vấn đề nghiên cứu còn sơ sài, chưa đi vào trọng tâm của vấn đề giải quyết, việc quản lý HĐGDNGCK chỉ dừng lại ở góc nhìn đối với sinh viên nội trú, đây là một hướng làm cho đề tài chưa mang tính khả thi cao.

Công trình nghiên cứu của tác giả Phaylat Khănkeo va Pan Nha Xuxat ở Thái Lan: "*Sự nghiên cứu về công tác QLSV, ĐH Khonken*" và *"HĐQLSV của Đại học kỹ thuật SaCon NaKhon*" cho rằng: Việc QLSV ở bậc Đại học có 4 nhiệm vụ:

Nhiệm vụ có tính phúc lợi (welfare funtion): Hướng nghiệp, vệ sinh sức khỏe, thức ăn giúp đỡ bằng tiền bạc và tìm việc làm.

Nhiệm vụ hoạt động hợp tác theo chương trình (Co curricular Activities): Hội SV, hoạt động xã hội - văn hóa, hoạt động trao đổi giao lưu và hoạt động cộng đồng.

Nhiệm vụ Quản lý: Đón SV, giữ gìn phép lịch sự của sinh viên, thực hiện đúng nội quy của nhà trường.

Nhiệm vụ có tính chất đào tạo (Teching funtion), hướng dẫn, dạy thêm, bồi dưỡng, bố trí SV đi dạy trong và ngoài trường.

Công trình nghiên cứu của tác giả Phunkeo PhanThai Inthavong ở Lào: "*Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả HĐTDTT trong trường ĐHQG Lào."*

Với những công trình nghiên cứu đã nêu trên có thể nói việc quản lý các hoạt động cho sinh viên nói chung, các hoạt động ngoài giờ chính khóa cho sinh viên là công việc quan trọng của các trường đại học để giúp cho sinh viên sẵn sàng học tập, giúp sinh viên phát triển về mọi mặt như: tư tưởng chính trị, tri thức và tình cảm.... để họ sẵn sàng đóng góp vào quá trình xây dựng đất nước khi tốt nghiệp ra trường.

1.1.2.2. Ở Việt Nam

Đối với nghiên cứu QLHĐGDNGCK và một số vấn đề liên quan, Luận án Tiến sỹ của Đặng Thị Kim Dung: "*Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp của sinh viên các trường đại học theo quan điểm tăng cường tính tự quản*". Đây là một nghiên cứu rất có tâm huyết của tác giả đối với công tác QLHĐGDNGCK ở trường đại học. Việc đưa ra những giải pháp quản lý để các HĐGDNGCK ở trường đại học hoạt động mặc dù chưa có một văn bản, thông tư nào của cấp trên chỉ đạo về HĐGDNGCK đối với cơ sở GDĐH. Tác giả đã đề xuất các giải pháp chỉ đạo đặc biệt là việc đẩy mạnh Trung tâm hỗ trợ sinh viên đối với các cơ sở GDĐH. Mặc dù rất cố gắng để chuyển rất nhiều ý tưởng có tính khả thi thực hiện các HĐGDNGCK ở trường đại học nhưng dưới góc nhìn vấn đề tăng cường tính tự quản của sinh viên nên đề tài cũng chưa thể khai thác hết được các góc độ của các nhà quản lý: Đảng ủy, BGH, các Phòng ban chức năng có liên quan và do chưa thống nhất về mặt chỉ đạo từ cấp trên nên chưa mang tính khả thi.

Tác giả Huỳnh Mộng Tuyền với Luận án: "*Bồi dưỡng năng lực hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho sinh viên cao đẳng sư phạm*". Đây cũng là một vấn đề nghiên cứu về lý luận việc tổ chức các HĐGDNGCK cho sinh viên ở các cơ sở GDĐH, tác giả đã nghiên cứu rất hay về nội dung, hình thức tổ chức HĐGDNGCK cho sinh viên, đưa ra những giải pháp để tổ chức các HĐGDNGCK hiệu quả, tác giả đã nghiên cứu việc bồi dưỡng năng lực cho sinh viên để về tổ chức hoạt động ở trường phổ thông. Đây cũng là một biện pháp cho việc nghiên cứu quản lý các HĐGDNGCK của sinh viên.

Trịnh Ngọc Thạch với Luận án: "*Hoàn thiện mô hình quản lý đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các trường đại học Việt Nam"* đã đề xuất những mô hình rất hay với mục đích nâng cao giáo dục toàn diện để có một thế hệ vừa hồng vừa chuyên.

Tác giả Nguyễn Thị Hoàng Anh với Luận án: "*Xây dựng mô hình quản lý công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học Sư phạm trong giai đoạn hiện nay"* công trình này đã làm rõ cơ sở lý luận của quản lý công tác giáo dục đạo đức, mô hình quản lý công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên, vai trò, mục tiêu của quản lý công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên trong các trường sư phạm; Luận án cũng đã điều tra thực trạng đạo đức của sinh viên các trường đại học Sư phạm và thực trạng công tác giáo dục đạo đức và đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên các trường đại học Sư phạm. Từ đó đề xuất mô hình quản lý công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học Sư phạm.

Tác giả Đoàn Trung Dung với nghiên cứu: *Các giải pháp quản lý HĐGDNGCK của sinh viên nội trú trường đại học khoa học tự nhiên.*

1.2. Đổi mới giáo dục Đại học và những vấn đề đặt ra với QLHĐGDNGCK

1.2.1. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Đại học

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII và các chủ trương của Đảng, Nhà nước về định hướng chiến lược phát triển giáo dục-đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời khắc phục những hạn chế của nền giáo dục nước nhà, ngày 04/11/2013 Ban chấp hành Trung Ương Đảng cộng sản Việt Nam đề ra Nghị quyết số

29-NQ/TW "Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế". Mục tiêu đổi mới đối với giáo dục đại học: tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học. Hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục Đại học, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia, trong đó có một số trường và ngành đào tạo ngang tầm khu vực và quốc tế. Đa dạng hóa các cơ sở đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển công nghệ và các lĩnh vực, ngành nghề; yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

1.2.2. HĐGDNGCK của sinh viên những vấn đề đặt ra trước yêu cầu đổi mới giáo dục

Trong những năm qua, sinh viên cả nước sinh viên Việt Nam đã phát huy tài năng và sức trẻ của mình, đóng góp công sức để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hình ảnh của những con người trẻ tuổi thông minh, năng động, giàu nhiệt huyết đang ngày đêm miệt mài học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học, tham gia các hoạt động xã hội luôn là hình ảnh đẹp, xứng đáng được ngợi ca và khuyến khích phát huy. Hiện nay, hầu hết sinh viên của chúng ta đều nhận thức được vai trò, nhiệm vụ của mình trong thời đại hội nhập kinh tế quốc tế, họ có ý thức chuẩn bị những hành trang cần thiết để tu thân, lập nghiệp. Sự thông minh, nhanh nhẹn và sáng tạo của tuổi trẻ đã giúp các bạn sinh viên không còn bó hẹp phạm vi tiếp cận thông tin, giao lưu, học hỏi trong nước mà có thể mở rộng giao tiếp, tiếp cận thông tin rộng rãi và nhanh chóng trong khu vực và trên toàn thế giới, nắm bắt nhiều cơ hội phát triển bản thân, quảng bá hình ảnh của Việt Nam với bạn bè quốc tế, góp phần nâng vị trí của đất nước sánh với các cường quốc trên thế giới.

Thanh niên cần phải nhận thức được mình là ai, vai trò của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố. Đem sức trẻ, trí tuệ, sự năng động sáng tạo, nhạy bén đi đầu trong công cuộc xây dựng quê hương, đất nước - đó là trách nhiệm vinh quang của tuổi trẻ.

1.3. HĐGDNGCK ở trường đại học

1.3.1. Khái niệm

HĐGDNGCK là những hoạt động giáo dục tiếp nối hoạt động dạy học trên lớp, là con đường gắn lý thuyết với thực tiễn, tạo nên sự thống nhất giữa nhận thức và hành động của sinh viên, góp phần thực hiện nguyên lý "Học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn, nhà trường gắn liền với xã hội" và cũng để góp phần phát triển toàn diện thế hệ trẻ.

1.3.2. Vị trí, vai trò và ý nghĩa của HĐGDNGCK đối với sự phát triển nhân cách của sinh viên

1.3.2.1. Vị trí, vai trò

1.3.2.2. Ý nghĩa

1.3.3. Mục tiêu và nhiệm vụ của HĐGDNGCK ở trường đại học

1.3.3.1. Mục tiêu của HĐGDNGCK

** Mục tiêu bồi dưỡng về nhận thức*

** Mục tiêu rèn luyện kỹ năng*

** Mục tiêu giáo dục thái độ*

1.3.3.2. Nhiệm vụ của HĐGDNGCK

** Nhiệm vụ bồi dưỡng về nhận thức*

** Nhiệm vụ rèn luyện về kỹ năng*

** Nhiệm vụ giáo dục về thái độ*

1.3.4. Nội dung và loại hình hoạt động chủ yếu của hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ở trường đại học

1.3.4.1. Nội dung

HĐGDNGCK ở trường đại học tập trung vào 7 vấn đề lớn:

- Hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức cách mạng
- Hoạt động học tập (tự học), nghiên cứu khoa học, sáng tạo trẻ
- Hoạt động văn hoá nghệ thuật
- Hoạt động thể dục thể thao
- Hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện
- Hoạt động tình nguyện
- Hoạt động tham quan dã ngoại, về nguồn

1.3.4.2. Loại hình hoạt động

Nội dung HĐGDNGCK được thực hiện thông qua các loại hình hoạt động sau đây:

** Hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức cách mạng*

Hoạt động này phải được tổ chức thường xuyên cho sinh viên dưới nhiều hình thức phong phú: *Tuần sinh hoạt công dân đầu khoá*, triển khai các cuộc vận động như: *Tuổi trẻ học tập và làm theo lời Bác*, *mãi mãi tuổi hai mươi*… các cuộc thi Olympic các môn khoa học Mác Lê - nin, thi hiểu truyền thống tốt đẹp của nhà trường, địa phương, dân tộc, các hoạt động nhân đạo đền ơn đáp nghĩa… Phát thanh tuyên truyền nhân các ngày lễ lớn. Hay là tham gia vào các đội xây dựng, giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ môi trường, phòng chống các tệ nạn xã hội (ma túy, mại dâm…)… Qua đây giúp sinh viên có sự hiểu biết đúng đắn, phát huy được các vấn đề tốt đẹp của xã hội, hiểu được các sự kiện chính trị dân tộc và thế giới…

Tổ chức tốt các hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên sẽ hình thành cho sinh viên những phẩm chất và năng lực để thực hiện nghĩa vụ của người công dân tương lai.

** Hoạt động phong trào học tập, nghiên cứu khoa học, sáng tạo trẻ*

Giáo dục tuyên truyền, vận động sinh viên thực hiện cuộc vận động nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục, thực hiện các cuộc thi tay nghề, nghiệp vụ sư phạm, sinh viên nghiên cứu khoa học, sáng tạo trẻ. Tuyên truyền việc đổi mới phương pháp dạy và học ở Đại học...

Tổ chức nhiều hoạt động đồng hành với sinh viên như: Thành lập trung tâm hỗ trợ

sinh viên, tư vấn và giới thiệu việc làm cho sinh viên, làm việc với các doanh nghiệp trong việc đào tạo và tuyển dụng, tổ chức cho sinh viên đi tham quan thực tế tổ chức các ngày hội, hội chợ việc làm...

** Hoạt động văn hoá nghệ thuật*

Hình thức hoạt động này nhằm giáo dục cho sinh viên sinh hiểu biết cái đẹp và biết phát huy cái đẹp của bản thân và xã hội. Các hoạt động văn hóa nghệ thuật được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau: Sinh hoạt văn nghệ, thăm bảo tàng, triển lãm để tìm hiểu truyền thống văn hóa dân tộc, cách mạng của nước ta và các nước khác, tổ chức các cuộc thi tiếng hát sinh viên. nữ sinh tài năng duyên dáng và tham gia các cuộc thi do các tổ chức xã hội của Trung ương và Địa phương tổ chức

** Hoạt động thể dục - thể thao*

Hoạt động thể dục - thể thao sẽ giúp sinh viên học sinh có điều kiện rèn luyện thể lực, tăng cường sức khỏe, hình thành nhiều phẩm chất tốt… Từ đó giúp cho việc học tập tốt hơn. Hoạt động TDTT diễn ra dưới nhiều hình thức như: Thi đấu các giải thể thao: Cầu lông, bóng bàn, bóng đá, bóng chuyền…tổ chức cho sinh viên tham gia các môn thể thao theo sở thích bằng việc tổ chức các câu lạc bộ trong nhà trường như câu lạc bộ bóng bàn, câu lạc bộ cầu lông…

** Hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện*

Tổ chức cho sinh viên tham gia phổ cập giáo dục, chống mũ chữ và tái mù chữ, dạy bổ sung kiến thức cho học sinh. Tổ chức quyên góp hỗ trợ sinh viên học sinh nghèo, tham gia các chương trình ngăn dòng bỏ học, tiếp sức đến trường, tổ chức tốt chương trình "Thắp sáng ước mơ tuổi trẻ Việt Nam". Tham gia các hoạt động hiến máu nhân đạo…

** Hoạt động tình nguyện*

Đây là hoạt động trong những năm qua sinh viên hưởng ứng tham gia một cách nhiệt tình: Tiếp sức mùa thi, xoá mù tin học, văn nghệ xung kích - tình nguyện; Dạy bổ sung kiến thức cho trẻ em xã miền núi đặc biệt khó khăn, các hoạt động tình nguyện tại chỗ như vệ sinh trường lớp, an toàn giao thông giờ tan trường…

** Hoạt động tham quan dã ngoại, về nguồn*

Nhằm mở rộng tầm nhìn, tầm hiểu biết, làm cho sinh viên được liên hệ với cuộc sống xã hội rộng lớn nhiều hoạt động tham quan dã ngoại được tổ chức có hiệu quả như: Thăm di tích lịch sử trong và ngoài tỉnh, tham gia các cuộc hành trình có tổ chức của sinh viên, tăng cường các hoạt động giao lưu quốc tế, tổ chức cho sinh viên hành hương về nguồn, về căn cứ địa cách mạng…

1.3.5. Các nguồn lực để tổ chức HĐGDNGCK

1.3.5.1. Cơ sở vật chất, tài chính

1.3.5.2. Các lực lượng hỗ trợ, liên kết

1.3.5.3. Lực lượng tổ chức và tham gia

1.4. Quản lý HĐGDNGCK ở trường đại học

1.4.1. Một số khái niệm cơ bản

1.4.1.1. Quản lý

1.4.1.2. Quản lý giáo dục

1.4.1.3. Quản lý nhà trường

1.4.1.4. Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa

Đây là hoạt động của nhà quản lý tác động đến tập thể giảng viên viên và học sinh, sinh viên ngoài giờ chính khóa nhằm tổ chức, điều hành để đưa hoạt động này thành nề nếp, phục vụ cho việc thực hiện mục tiêu đào tạo nhân cách người học viên trong nhà trường. Hoạt động này được tiến hành xen kẻ hoặc nối tiếp chương trình dạy học trong phạm vi nhà trường hoặc trong đời sống xã hội do nhà trường quản lý. Nó diễn ra suốt năm học, khóa học. Nhà quản lý vừa phải kiểm soát được mục tiêu, vừa có các biện pháp quản lý kế học tổ chức các hoạt động, vừa nắm chắc các điều kiện cần thiết trong quá trình tổ chức, lại vừa hướng dẫn cán bộ giáo viên thực hiện sao cho hiệu quả hoạt động này.

1.4.2. Nội dung QLHĐGDNGCK ở trường đại học

1.4.2.1. Quản lý việc lập kế hoạch tổ chức HĐGDNGCK

1.4.2.2. Quản lý tổ chức bộ máy QLHĐGDNGCK và triển khai thực hiện

a. Quản lý đội ngũ CBQL HĐGDNGCK cho sinh viên

b. Quản lý các điều kiện bảo đảm cho HĐGDNGCK

1.4.2.3 Quản lý công tác chỉ đạo HĐGDNGCK

a. Quản lý việc phối hợp các lực lượng tham gia tổ chức HĐGDNGCK

b.Quản lý cơ sở vật chất

c. Quản lý các lực lượng hỗ trợ, liên kết

1.4.2.4. Quản lý việc kiểm tra và đánh giá kết quả HĐGDNGCK

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến QLHĐGDNGCK

1.5.1. Nhận thức của Giảng viên đối với HĐGDNGCK

1.5.2. Sự phối kết hợp giữa các tổ chức trong nhà trường và các lực lượng hỗ trợ

1.5.3. Tác động của vị trí địa lý nhà trường ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng quản lý nhà trường trong đó có chất lượng hoạt động GDNGCK

1.5.4. Kinh phí hoạt động cho việc tổ chức HĐGDNGCK chưa đáp ứng với những nội dung tổ chức

1.6. Nghiên cứu kinh nghiệm QLHĐGDNGCK ở các nước trên thế giới

1.6.1. Hệ thống quản lý sinh viên

1.6.2. Trung tâm hỗ trợ sinh viên (Trung tâm sinh viên)

1.6.3. Mô hình Dịch vụ học tập và sinh viên (Student and Learning Services)

1.6.4. Quản lý SV thông qua các hoạt động xã hội

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong xu thế hiện nay giáo dục Đại học giữ một vai trò quan trọng trong việc tạo dựng mặt bằng dân trí, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Do vậy việc nâng cao chất lượng giáo dục Đại học trở nên vô cùng cấp thiết, trong đó học sinh sinh viên là người đóng một vị trí trung tâm trong quá trình giáo dục.

HĐGDNGCK có ý nghĩa quan trọng trong việc giáo dục nhân cách cho sinh viên. Quản lý hiệu quả HĐGDNGCK sẽ là yếu tố quan trọng trong việc giáo dục toàn diện cho thế hệ trẻ.

Nội dung chương 1 tác giả đã làm rõ cơ sở lý luận của đề tài: Tổng quan lịch sử nghiên cứu vấn đề, vị trí vai trò và ý nghĩa mục tiêu và nhiệm vụ của HĐGDNGCK ở trường đại học.

Chương 1 cũng đã nêu và phân tích các khái niệm có liên quan đến đề tài nghiên cứu, nội dung của QLHĐNGCK của sinh viên Đại học theo tiếp cận chức năng.

Tác giả đã làm rõ nội dung quản lý HĐGDNGCK ở trường đại học cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến QLHĐGDNGCK.

Trong chương 1 tác giả đã khái quát về vấn đề đổi mới giáo dục và những vấn đề đặt ra đối với việc tổ chức và QLHĐGDNGCK đồng thời nghiên cứu các kinh nghiệm quản lý cũng như mô hình ở một số trường đại học trên thế giới .

Chương 2
THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ CHÍNH KHÓA CỦA SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHU VỰC MIỀN TRUNG TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

2.1. Khái quát về giáo dục Đại học khu vực duyên hải miền Trung

7 tỉnh vùng duyên hải miền Trung có 50 trường đại học, xếp thứ 3 sau vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Đông Nam Bộ, chiếm 12,1% số trường so với cả nước. Số sinh viên cao đẳng, đại học chính quy trong vùng khoảng 337.114 người, chiếm 12% tổng số sinh viên chính quy trong cả nước. Số giảng viên của vùng là hơn 9.482 người, chiếm tỉ lệ khoảng 10% tổng số giảng viên trong cả nước.

Bảng 2.1: Quy mô về giáo dục đại học, cao đẳng của 7 tỉnh,thành phố

	Số trường	**Giảng viên**	**Sinh viên**	**Số sinh viên tốt nghiệp**
Thừa Thiên Huế	13	2.294	119.375	26.376
Đà Nẵng	18	3.461	115.469	18.368
Quảng Nam	9	889	28.454	6.083
Quảng Ngãi	3	379	6.957	2.174
Bình Định	4	940	34.538	6.820
Phú Yên	3	940	34.538	3.490
Khánh Hòa	7	1.108	30,762	6.612
Tổng 7 tỉnh	57	9.482	344.074	69.923

2.2. Tổ chức nghiên cứu

2.2.1. Mục đích khảo sát

2.2.2. Nội dung khảo sát

2.2.3. Đối tượng và địa bàn khảo sát

Để tìm hiểu thực trạng công tác QLHĐGDNGCK của SV các trường ĐH, chúng tôi đã tiến hành khảo sát, thăm dò ý kiến bằng phiếu hỏi và phỏng vấn 800SV và 300 CBQLGD, GV, chuyên viên một số trường ĐH ở Miền Trung Việt Nam: ĐH Sư phạm thuộc ĐH Đà Nẵng, Đại học Phạm Văn Đồng, Đại học Tài chính Kế Toán, Đại học Quy Nhơn, Đại học Huế, ĐH Quảng Nam, Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh (Chi nhánh Quảng Ngãi) và Đại học Duy Tân.

Ngoài ra, chúng tôi còn phỏng vấn một số cán bộ, một số tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp, cán bộ quản lý hành chính nhà nước ở một số địa phương nơi có các trường đại học đóng trên địa bàn.

Bảng 2.2: Phân bố phiếu khảo sát CBQL, GV theo trường

STT	Địa bàn khảo sát	Số lượng phiếu được hỏi theo địa bàn	Tỷ lệ %
1	ĐHSP Đà Nẵng	50	16.7
2	ĐH Phạm Văn Đồng	30	10
3	ĐH Tài Chính Kế Toán	30	10
4	ĐH Quy Nhơn	40	13.3
5	ĐH Quảng Nam	40	13.3
6	ĐH Huế	40	13.3
7	ĐH Công Nghiệp TP Hồ Chí Minh (Chi nhánh Quảng Ngãi)	40	13.3
8	ĐH Duy Tân	30	10
Tổng số		**300**	**100**

Bảng 2.3: Phân bố phiếu khảo sát SV theo trường

STT	Địa bàn khảo sát	Số lượng phiếu được hỏi theo địa bàn	Tỷ lệ %
1	ĐH Đà Nẵng	120	15
2	ĐH Phạm Văn Đồng	100	12.5
3	ĐH Tài Chính Kế Toán	100	12.5
4	ĐH Quy Nhơn	100	12.5
5	ĐH Quảng Nam	80	10
6	ĐH Huế	80	10
7	ĐHCông Nghiệp TP Hồ Chí Minh	120	15
8	ĐH Duy Tân	100	12.5
Tổng số		**800**	**100**

2.2.4. Phương pháp và công cụ khảo sát

2.3. Thực trạng HĐGDNGCK ở trường đại học

2.3.1. Thực trạng về nội dung và hình thức HĐGDNGCK trong nhà trường

Bảng 2.4: Nhà trường đã tổ chức các HĐGDNGCK cho sinh viên với những nội dung và hình thức

TT	Nội dung và hình thức	CBQL		SViên	
		Số lượng	%	Số lượng	%
1	Hoạt động giáo dục chính trị xã hội	276	92	623	77.9
2	Hoạt động tự học, nghiên cứu khoa học, sáng tạo trẻ	154	51.3	234	29.3
3	Hoạt động lao động, hướng nghiệp	204	68	456	57
4	Hoạt động văn hóa nghệ thuật	300	100	798	99.8
5	Hoạt động TDTT	300	100	765	95.6
6	Hoạt động nhân đạo từ thiện	260	86.7	689	86.1
7	Hoạt động tình nguyện	280	93.3	761	95.1
8	Hoạt động tham quan dã ngoại về nguồn	167	55.7	321	40.1
9	Hoạt động giao lưu với bạn bè quốc tế đang học tại trường.	57	19	362	45.3

Qua kết quả điều tra ở bảng 2.4 tác giả nhận thấy rằng mặc dù có những nhận thức chưa đầy đủ và chính xác về HĐGDNGCK nhưng nội dung và hình thức của HĐGDNGCK ở nhà trường đã được các tổ chức, đơn vị triển khai thường xuyên với tất cả các nội dung nhằm mục đích giáo dục toàn diện cho sinh viên.

2.3.2. Thái độ và hứng thú của sinh viên đối với HĐGDNGCK

Bảng 2.8: Hứng thú của sinh viên thi tham gia các HĐGDNGCK

TT	Hứng thú	SViên	
		Số lượng	%
1	Rất tích cực	123	15.4
2	Tích cực	475	59.4
3	Ít tham gia	131	16.4
4	Không tham gia	71	8.8

Bảng2.9. Lý do tham gia các HĐGDNGCK

TT	Lý do	SV	
		Số lượng	%
1	Sợ bị trừ điểm rèn luyện	65	8.1
2	Tham gia theo bạn bè	69	8.6
3	Sự hứng thú, hấp dẫn của hoạt động.	457	57.1
4	Ý thức được vai trò, vị trí của HĐGDNGCK.	59	7.4
5	Do hứng thú nhu cầu của bản than	116	14.5
6	Do yêu cầu bắt buộc của nhà trường	34	4.3

2.4. Thực trạng quản lý HĐGDNGCK ở trường đại học

2.4.1. Thực trạng về nhận thức HĐGDNGCK

Bảng 2.11: Nhận thức về nội dung HĐGDNGCK của CBQL và SV

TT	Nội dung HĐGDNGCK	CBQL		SV	
		Số lượng	%	Số lượng	%
1	Hoạt động Đoàn thể	145	48.3	378	48.4
2	Hoạt động vui chơi giải trí	24	8	124	15.5
3	Hoạt động giáo dục	98	32.7	101	12.6
4	Hoạt động ngoại khoá	33	11	197	24.6

2.4.2. Thực trạng quản lý việc lập kế hoạch HĐGDNGCK

2.4.3. Thực trạng công tác tổ chức bộ máy HĐGDNGCK ở trường đại học

2.4.4. Thực trạng công tác chỉ đạo HĐGDNGCK

Công tác chỉ đạo có ý nghĩa quan trọng đối với hiệu quả HĐGDNGCK của SV. Thông qua quá trình các nhà QLGD, GV tác động, ảnh hưởng tới hành vi, thái độ của SV sẽ đảm bảo cho các mặt HĐGDNGCK đi đúng hướng, đạt hiệu quả QLHĐGDNGCK và HĐ GD-ĐT.

Qua khảo sát đối với CBQL ở các trường đại học việc thành lập ban tổ chức chỉ đạo HĐGDNGCK chưa có, do đó dẫn đến việc chồng chéo ở một số nội dung như đã phân tích ở trên.

Việc quản lý đội ngũ đặc biệt là Đội ngũ làm thủ lĩnh các tổ chức Đoàn - Hội được các nhà trường quan tâm.

Hoạt động Đoàn - Hội trong Nhà trường chủ yếu là thông qua các hình thức sinh hoạt tập thể ngoài giờ chính khóa để giáo dục lý tưởng cho thanh niên sinh viên. Để tìm hiểu sự phối kết hợp giữa nhà trường và tổ chức Đoàn - Hội sinh viên trong Nhà trường. Tác giả xin ý kiến đánh giá của CBQL của Nhà trường, kết quả được thể hiện ở bảng 6.

Bảng 2.15: Đánh giá công tác Đoàn - Hội trong Nhà trường của cán bộ quản lý

TT	Nội dung đánh giá	Tốt SL%	Khá SL%	Trung bình SL%	Yếu SL%	Kém SL%
1	Đoàn, Hội có kế hoạch, hoạt động công tác hàng năm, hàng quý, hàng tháng gắn với kế hoạch nhà trường.	197 65.7	91 30.3	12 4		
2	Lựa chọn đề cử CB Đoàn, Hội chủ chốt	163 54.3	123 41	14 4.7		
3	Nhà trường tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính, chế độ chính sách cho CB Đoàn - Hội	140 46.7	145 48.3	15 5		

TT	Nội dung đánh giá	Tốt SL%	Khá SL%	Trung bình SL%	Yếu SL%	Kém SL%
4	Nội dung và hình thức hoạt động của Đoàn - Hội trong nhà trường.	167 55.7	101 33.7	32 10.6		
5	Chủ động tổ chức các phong trào	196 65.3	86 28.7	18 6		
6	Lôi cuốn được đông đảo Đoàn viên, thanh niên tham gia hoạt động	167 55.7	113 37.7	20 6.6		
7	Phát huy vai trò nòng cốt của Đoàn - Hội trong mọi hoạt động	197 65.7	100 33.3	3 1		
8	Hiệu quả các hoạt động của Đoàn - Hội	191 63.7	100 33.3	9 3		

Qua số liệu ở bảng 2.15 chúng tôi thấy hầu hết CBQL trong trường nhận thức được vai trò của Đoàn thanh niên - Hội sinh viên trong tổ chức HĐGDNGCK, nên đã phối kết hợp khá chặt chẽ và tạo điều kiện cho hoạt động của Đoàn. Điều đó được CBQL đánh giá khá tốt từ 80% trở lên ở ở các nội dung khảo sát: Việc đánh giá rất cao tính kế hoạch, chủ động trong công việc của Đoàn - Hội cũng như sự lựa chon cán bộ chủ chốt của Đoàn trường đã thể hiện sự tin tưởng của Nhà trường đối với tổ chức đoàn thể trong Nhà trường do đó Nhà trường tạo mọi cơ sở vật chất điều kiện để tổ chức Đoàn - Hội hoạt động có hiệu quả để cùng Nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho sinh viên.

- Một số trường đã phối hợp với gia đình HS, SV trong công tác quản lý, giáo dục bằng cách định kỹ gửi thư thông báo kết quả học tập, tu dưỡng rèn luyện của con em họ cho gia đình biết. Nhà trường lắng nghe ý kiến của các bậc phụ huynh học sinh, SV. Công tác phối hợp với gia đình HS, SV đã trở thành nề nếp thường xuyên với nhiều trường ĐH, CĐ, Trung học chuyên nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giáo dục.

- Bộ GD&ĐT phối hợp với Trung Ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh chỉ đạo, thực hiện chủ trương tăng cường công tác giáo dục thanh thiếu nhi và xây dựng Đoàn, Hội trong Nhà trường.

2.4.5. Thực trạng kiểm tra, đánh giá HĐGDNGCK của SV

2.5. Thực trạng những yếu tố ảnh hưởng tới quản lý HĐGDNGCK

* Nhận thức của Giảng viên đối với HĐGDNGCK

* Ảnh hưởng của yếu tố năng lực tổ chức hoạt động tập thể của các khoa, phòng ban có liên quan, các tổ chức Đoàn thể thể hiện ở bảng sau:

* Tác động của yếu tố cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính đến QLHĐGDNGCK ở Nhà trường.

* Các điều kiện bảo đảm cho QLHĐGDNGCK

** Hỗ trợ kinh phí; đầu tư và sử dụng có hiệu quả cơ chế vật chất cho các HĐGDNGCK của SV nội, ngoại trú:*

2.6. Thực trạng QLHĐGDNGCK của sinh viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

2.7. Nhận xét đánh giá chung

2.7.1. Những kết quả đạt được của QLHĐGDNGCK

Trong những năm qua, nhận thức về vai trò, vị trí của công tác QLHĐGDNGCK của SV của Bộ GD&ĐT, Lãnh đạo các trường ĐH đã được nâng cao.

Các trường ĐH đã tổ chức các mặt HĐGDNGCK theo hướng phát huy tính tự quản của SV như: Tổ chức cho SV tự học, tự nguyện nghiên cứu khoa học; hoạt động văn hóa, thể thao; hoạt động chính trị, xã hội.

2.7.2. Những tồn tại và khó khăn trong HĐGDNGCK

2.7.3. Những nguyên nhân của yếu kém

Có nhiều nguyên nhân của thực trạng đã phân tích ở trên, tuy nhiên theo tác giả thì có một số nguyên nhân chính sau:

2.7.3.1. Nguyên nhân chủ quan

2.7.3.2. Nguyên nhân khách quan

Do cách đánh giá Nhà trường, đánh giá giáo viên, đánh giá học sinh của ngành, của xã hội chủ yếu căn cứ vào kết quả của hoạt động Dạy-Học đã khiến các Nhà trường chỉ tập trung vào hoạt động này, ít quan tâm tới HĐGDNGCK. Mặt khác các công tác cho sinh viên trong Nhà trường còn chồng chéo giữa các bộ phận, các tổ chức đoàn thể nên việc tổ chức và quản lý các HĐGDNGCK chư có hiệu quả và khoa học.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 của luận án đã nghiên cứu thực trạng QLHĐGDNGCK của SV hệ chính quy các trường ĐH hiện nay trên cơ sở khung lý luận đã được trình bày trong chương 1.

Luận án đã nghiên cứu Tổng thực trạng các mặt hoạt động ngoài giờ chính khóa của SV trường ĐH.

Luận án cũng đã tiến hành khảo sát thực trạng thực hiện các nội dung QLHĐGDNGCK của SV hệ chính quy các trường ĐH để làm cớ sở phân tích, đánh giá những hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế trong công tác QLHĐGDNGCK tại các trường ĐH hiện nay. Bên cạnh việc nghiên cứu thực trạng QLHĐGDNGCK của SV hệ chính quy các Trường ĐH Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy, để có thể nâng cao hiệu quả QLHĐGDNGCK tại các trường ĐH hiện nay đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục thì cần phải tìm ra các giải pháp quản lý nhằm khắc phục những tồn tại về: Nhận thức của CBQL, GV về QLHĐGDNGCK;

Chương 3
BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ CHÍNH KHÓA CỦA SINH VIÊN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

3.1. Các nguyên tắc đề xuất giải pháp

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống, nhất quán

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi

3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo phát huy được vai trò của chủ thể và các yếu tố của QLHĐGDNGCK

3.1.5. QLHĐGDNGCK phải đảm bảo tính đồng bộ, tác động vào các khâu của quá trình rèn luyện của SV

3.2. Các biện pháp QLHĐGDNGCK của sinh viên các trường đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

3.2.1. Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên và sinh viên về HĐGDNGCK

** Mục tiêu của biện pháp:*

Nhằm làm cho cán bộ giáo viên và sinh viên nhận thức được vai trò, nhiệm vụ của HĐGDNGCK. Từ đó ý thức được trách nhiệm của mình đối với HĐGDNGCK.

** Nội dung và cách thực hiện:*

Qua thực tiễn và kết quả khảo sát cho thấy, nhận thức của CBQL, GV các trường ĐH về QLHĐGDNGCK chưa thật phù hợp với vai trò, vị trí của công tác này. Họ chưa nhận thức rõ ràng vai trò của QLHĐGDNGCK, đặc biệt chưa thấy rõ, quan tâm đúng mức tới việc phát huy tính độc lập, tích cực của SV trong thực hiện và QLHĐGDNGCK. Vì vậy, cần phải tổ chức tuyên truyền để CBQL, GV thấy được tầm quan trọng của công tác QLHĐGDNGCK trong quá trình dạy học - giáo dục ở trường, từ đó phát huy tinh thần cộng đồng trách nhiệm trong việc QLHĐGDNGCK của SV. Bởi lẽ, nhận thức đúng mới có hành động đúng.

** Điều kiện thực hiện*

Để đạt được mục tiêu trên, điều trước tiên là Lãnh đạo các cấp trong và ngoài ngành GD&ĐT, Lãnh đạo trường ĐH phải nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của công tác QLHĐGDNGCK; từ đó quá trình thay đổi nhận thức con người vô cùng khó khăn, phức tạp. Muốn thực hiện thành công quá trình biến đổi nhận thức của con người cần có sự kiên trì, bền bỉ, quyết tâm; sự tác động từ nhiều phía, bằng nhiều hoạt động đa dạng, linh hoạt; đồng thời cần sự ủng hộ, phối hợp của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể trong và ngoài trường cả về chủ trương lẫn đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí.

3.2.2.Kiện toàn và nâng cao năng lực của bộ máy QLHĐGDNGCK.

** Mục tiêu của biện pháp:*

Nhằm giúp Lãnh đạo nhà trường chỉ đạo tốt kế hoạch HĐGDNGCK của Nhà trường, kiểm tra đánh giá được HĐGDNGCK, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban chức năng trong Nhà trường, tránh các hoạt động ở trong Nhà trường chồng chéo lên nhau.

** Nội dung và cách thực hiện:*

Qua phân tích, khảo sát ở chương thực trạng, chúng tôi thấy ở các trường đại học chưa thành lập ban chỉ đạo HĐGDNGCK, việc chỉ đạo chủ yếu là giao cho cán bộ Đoàn - Hội và phòng công tác chính trị - học sinh sinh viên phụ trách cho nên công tác quản lý chưa khoa học và hiệu quả.

Điều kiện thực hiện

Để thực hiện được biện pháp này thì chúng ta cần phải:

1. Có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ CBQL và giảng viên và ban chỉ đạo HĐGDNGCK.

2. Nhà trường hết sức chú ý tạo điều kiện, quan tâm giúp đỡ về kinh phí và quỹ thời gian để các ban này có điều kiện hoạt động.

3.2.3. Kế hoạch hoá HĐGDNGCK

** Mục tiêu của biện pháp:*

Nhằm đảm bảo tính ổn định tương đối, tính hệ thống và tính hướng đích của các hoạt động, xây dựng kế hoạch HĐGDNGCK vào trong kế hoạch hoạt động chung của Nhà trường, và QLHĐGDNGCK cũng phải bắt đầu từ việc xây dựng kế hoạch, kế hoạch HĐGDNGCK phải được đưa vào kế hoạch chung của nhà trường, được hội đồng trường bàn bạc và thông qua vào đầu năm học.

** Nội dung và cách thực hiện*

+ Yêu cầu đối với việc xây dựng kế hoạch HĐGDNGCK:

1. Trong kế hoạch cần chọn lọc các hoạt động phù hợp, xác định các chủ điểm cho từng thời gian.

2. Kế hoạch phải được xây dựng phù hợp với điều kiện của Nhà trường, đáp ứng nhiệm vụ giáo dục của năm học và nhiệm vụ chính trị của địa phương.

3. Phải có kế hoạch, lịch hoạt động cho toàn trường, cho từng khối lớp, cho từng thời kỳ tiến tới ổn định thành nề nếp.

4. Có kế hoạch hoạt động đều đặn, cân đối từ đầu năm cho đến cuối năm học và trong hè.

5. Có lịch hoạt động hàng ngày, hàng tuần, tháng, học kỳ.

6. Kế hoạch HĐGDNGCK phải được xây dựng trên cơ sở kế hoạch Nhà trường, trong mối quan hệ với các hoạt động khác của Nhà trường như: Kế hoạch dạy - học, kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất…

Điều kiện thực hiện

Đảm bảo sự phân công nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền giữa các phòng, khoa và các tổ chức Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và tổ chức tự quản của SV một cách hợp lý, đúng đắn, có hiệu quả, có điều kiện đáp ứng với yêu cầu thực hiện kế hoạch. Kế hoạch được xây dựng theo quy trình khoa học, tuân theo trình tự các bước tiến hành.

3.2.4. Thực hiện phân cấp QLHĐGDNGCK cho các khoa, phòng ban chức năng và các tổ chức Đoàn thể trong nhà trường

** Mục tiêu của biện pháp*

Các trường đại học có rất nhiều khoa và mỗi khoa có đặc thù riêng do đó nội dung và hình thức HĐGDNGCK rất phong phú và đa dạng. Các khoa; Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên có quyền tự chủ trong việc tổ chức các hoạt động cho sinh viên. Nhằm đảm bảo tính phong phú, đa dạng của nội dung và hình thức hoạt động, Lãnh đạo Nhà trường cần tăng cường chỉ đạo các bộ phận trong trường đặc biệt là các phòng ban chức năng tham gia tổ chức HĐGDNGCK.

**Nội dung và cách thực hiện*

Trên cơ sở kế hoạch HĐGDNGCK đã được thông qua, đầu năm học Lãnh đạo Nhà trường phân công trách nhiệm cho các khoa, phòng ban các tổ chức Đoàn thể trong nhà trường tổ chức các HĐGDNGCK phù hợp với đặc thù của từng năm học. Trong kế hoạch năm học khoa , phòng ban và các tổ chức Đoàn thể phải xây dựng kế hoạch tổ chức HĐGDNGCK thống nhất với kế hoạch HĐGDNGCK của Nhà trường.

Qua phân tích, và điều tra khảo sát. Lãnh đạo Nhà trường cần chỉ đạo cho các khoa cải tiến nội dung và hình thức sinh hoạt lớp, sinh hoạt đoàn theo hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của hoạt động sinh viên. Căn cứ vào kế hoạch chủ nhiệm tháng, các khoa xây dựng nội dung và hình thức cho khoa mình để làm cơ sở cho giáo viên chủ nhiệm tổ chức các hoạt động tập thể lành mạnh, bổ ích trong giờ sinh hoạt cho lớp chủ nhiệm, tránh biến giờ sinh hoạt lớp thành giờ làm những việc không đúng trọng tâm.

**Điều kiện thực hiện*

Để thực hiện được biện pháp này thì các tổ chuyên môn, các ban hoạt động trong Nhà trường phải có sự phối kết hợp chặt chẽ. Đặc biệt, Hiệu trưởng cần tăng cường chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện kế hoạch mà các khoa đã đề ra.

3.2.5. Đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ các HĐGDNGCK

**Mục tiêu của biện pháp*

Hiệu quả của giáo dục là sự tổng hợp của nhiều yếu tố mà cơ sở vật chất là yếu tố có tầm quan trọng không nhỏ. Tiềm năng của xã hội rất phong phú mà chúng ta chưa khai thác hết. Nếu trường ĐH có những giải pháp tăng cường đầu tư trang bị cơ

sở vật chất đáp ứng với nhu cầu giảng dạy, QL và tạo điều kiện cho các hoạt động tự quản của SV; đồng thời có cơ chế phù hợp để các lực lượng XH chủ động, tích cực tham gia cùng Nhà trường trong việc tổ chức các HĐGDNGCK cho SV thì sẽ tạo nền tảng và điều kiện thuận lợi để các HĐGDNGCK của SV có thể tiến hành với chất lượng và hiệu quả mong muốn.

**Nội dung và cách thực hiện*

- Để có thể QLHĐGDNGCK của SV Hiệu trưởng trường ĐH cần tập trung, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đảm bảo quy mô của các trường; tiếp tục xây dựng và kết nối hệ thống thư viện điện tử để tạo điều kiện cho hoạt động giảng dạy và học tập.

- Xây dựng tiêu chuẩn, định mức, quy trình đầu tư cơ sở vật chất và phương tiện thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu phục vụ đào tạo.

Chuẩn hóa các tiêu chuẩn đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện cho phòng học, thư viện, giảng đường một cách thiết thực, hiệu quả. Đầu tư xây dựng phòng học, phòng thực hành, sân thể thao và phòng học chuyên dụng mang tính đặc thù của ngành…nhưng phải đảm bảo tính hệ thống, tính đồng bộ, liên hoàn của hệ thống phục vụ cho toàn bộ quá trình đào tạo trong Nhà trường.

**Điều kiện thực hiện*

Nhà trường cần phải thấy vai trò quan trọng của các lực lượng xã hội đối với công tác này. Phải tăng cường tuyên truyền đến các lực lượng xã hội, phải tranh thủ mọi khả năng, cơ hội để đảm bảo sự phối kết hợp giữa nhà trường và các lực lượng xã hội. Tăng cường các hoạt động thúc đẩy sự tham gia của các lực lượng xã hội trong việc hỗ trợ kinh phí cũng như các nguồn lực khác cho công tác QLHĐGDNGCK của SV. Thường xuyên tổ chức họp giao ban, kiểm tra những công việc đã làm được và chưa làm được để có những biện pháp hữu hiệu hơn.

3.2.6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; công tác thi đua, khen thưởng theo hướng tự chủ tự chịu trách nhiệm trong QLHĐGDNGCK của SV.

**Mục tiêu của biện pháp*

- Công tác kiểm tra, đánh giá giữ một vai trò quan trọng trong quá trình dạy học - giáo dục ở trường ĐH nói chung và trong QLHĐGDNGCK nói riêng. Thực hiện tốt công tác kiểm tra sẽ góp phần đánh giá chính xác kết quả HĐGDNGCK của SV trên cơ sở xem xét tình hình thực hiện hoạt động và đối chiếu với yêu cầu đề ra. Do vậy, kiểm tra là công cụ để điều khiển các HĐGDNGCK và QLHĐGDNGCK trong trường ĐH. Kiểm tra để đánh giá chính xác và từ đó có sự điều chỉnh và uốn nắn kịp thời. Kiểm tra để có cơ sở làm tốt công tác thi đua khen thưởng tạo động lực thúc đẩy HĐGDNGCK đạt kết quả cao.

**Nội dung và cách thực hiện*

Để các thành viên trong trường nỗ lực cố gắng, phấn đấu làm tốt công tác QLHĐGDNGCK của SV thì công tác thanh tra, kiểm tra; công tác thi đua, khen thưởng có vai trò quan trọng; cùng với đó, việc xây dựng về thực hiện chính sách, chế độ phù hợp đủ để tạo động lực cho những người tham gia vào công tác QLHĐGDNGCK của SV được thực hiện tốt thì sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả QLHĐGDNGCK của SV.

* Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra công tác QLHĐGDNGCK của SV

- Nghiên cứu đề xuất thành lập hệ thống thanh tra, kiểm tra GD và khảo thí kiểm định chất lượng QLSV.

- Kiểm tra HĐGDNGCK của SV và công tác QLHĐGDNGCK của SV bao gồm các nội dung: Kiểm tra việc xây dựng kế hoạch hoạt động của các khoa, trung tâm, phân hiệu…đối chiếu với mục tiêu GD, kế hoạch của Nhà trường; kiểm tra việc tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động của các đơn vị trong trường, đối chiếu với nội dung, yêu cầu HĐGDNGCK của SV Nhà trường; kiểm tra các điều kiện về nhân lực, vật lực, tài chính, cơ chế chính sách…đảm bảo cho việc thực hiện các nội dung HĐGDNGCK của SV nội trú, ngoại trú; kiểm tra, đánh giá kết quả HĐGDNGCK của SV.

Lãnh đạo trường cần chỉ đạo xây dựng tiêu chí cụ thể về công tác QLHĐGDNGCK để làm cơ sở kiểm tra; xây dựng quy định cụ thể về cách đánh giá, cho điểm, việc sử dụng kết quả đánh giá HĐGDNGCK của SV; có kế hoạch kiểm tra cụ thể với các nội dung HĐGDNGCK, các khâu của quy trình QLHĐGDNGCK của SV và vào những thời gian cụ thể.

**Điều kiện thực hiện*

Công tác thanh tra, kiểm tra và duy trì phong trào thi đua, khen thưởng công tác QLHĐGDNGCK của SV phải được duy trì thường xuyên. Toàn thể đoàn viên, SV Nhà trường thực hiện nghiêm túc nội dung của phong trào thi đua. Ban chấp hành Liên chi đoàn các khoa, Ban chấp hành các chi đoàn phối hợp với ban cán sự lớp (lớp trưởng, lớp phó, nhóm trưởng học tập), các tổ chức tự quản SV phổ biến, nhắc nhở, theo dõi chính xác, công bằng để làm cơ sở xét khen thưởng, kỷ luật trong đợt sơ kết phong trào thi đua và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện SV cuối năm học.

3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp QLHĐGDNGCK của SV ĐH đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Để thực hiện việc nâng cao hoạt động quản lý HĐGDNGCK cần phải nâng cao nhận thức cho cán bộ, giảng viên và sinh viên về tầm quan trọng của HĐGDNGCK trong giáo dục toàn diện cho sinh viên . Bên cạnh đó phải Kiện toàn và nâng cao năng lực của bộ máy QLHĐGDNGCK để việc tổ chức các hoạt động được diễn ra đúng kế hoạch và đảm bảo chất lượng. Một trong những yếu tố rất quan trọng để quản lý được hoạt động NGCK cho

sinh viên đó là kế hoạch hóa các hoạt động dựa trên những nội dung chỉ đạo, chương trình hành động của nhà trường và những ý tưởng của cán bộ làm công tác quản lý và tổ chức các hoạt động cho sinh viên. Để tránh chồng chéo trong việc xây dựng và tổ chức các hoạt động nhà trường phải thực hiện phân cấp QLHĐGDNGCK cho các khoa, phòng ban chức năng và các tổ chức Đoàn thể trong nhà trường , việc tăng cường đầu tư trang thiết bị cơ sở vật chất phục vụ các HĐGDNGCK là yếu tố rất quan trọng trong việc thực hiện chương trình nội dung của HĐGDNGCK cuối cùng Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; công tác thi đua, khen thưởng theo hướng tự chủ tự chịu trách nhiệm trong QLHĐGDNGCK của SV thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với cán bộ giáo viên tham gia . Như vậy các biện pháp trên sẽ có tác động qua lại , hỗ trợ lẫn nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho nhau và có quan hệ chặt chẽ với nhau, cùng có chung một nhiệm vụ là để thực hiện tốt việc quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa cho sinh viên ở trường đại học trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

3.4. Khảo nghiệm về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

3.5. Thử nghiệm biện pháp

Chúng tôi đã tiến hành thử nghiệm biện pháp 3.2.4 - Thực hiện phân cấp QLHĐGDNGCK cho các khoa, phòng ban chức năng và các tổ chức Đoàn thể trong nhà trường

3.5.1. Mục đích thử nghiệm

Nhằm kiểm tra tính khả thi của biện pháp thử nghiệm và tác dụng của biện pháp tới việc QLHĐGDNGCK; thông qua đó chứng minh việc QLHĐGDNGCK một cách hiệu quả sẽ nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho Sinh viên.

3.5.2. Phạm vi và đối tượng thử nghiệm

3.5.3. Nội dung thử nghiệm

- Phổ biến, tuyên truyền, trao đổi với các tổ chức Đoàn thể các lực lượng xã hội về lý luận HĐGDNGCK.

- Xây dựng kế hoạch tổng thể các hoạt động ngoài giờ chính khóa cho sinh viên qua việc kiểm tra kế hoạch của Đoàn - Hội của các phòng ban liên quan.

- Trên cơ sở kế hoạch đã xây dựng, chỉ đạo các tổ chức Đoàn thể, các đơn vị có trách nhiệm tranh thủ các mối quan hệ của nhà trường để làm việc với các lực lượng xã hội, doanh nghiệp để tài trợ cho các HĐGDNGCK.

3.5.4. Quy trình thử nghiệm

3.5.5. Kết quả thử nghiệm

- Qua hoạt động giao lưu tác giả nhận thấy đây là nội dung rất có hiệu quả về giáo dục, tăng cường tình đoàn kết giữa sinh viên hai dân tộc Việt -Lào, mặt khác đấy là hoạt động đã nhận được nguồn kinh phí tài trợ của rất nhiều doanh nghiệp đóng trên địa bàn Tỉnh.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

GDNGCK tại trường ĐH là một quá trình phức tạp bị chi phối, chế ước bởi những yếu tố khách quan và chủ quan, đó là những quy luật của quá trình phát triển nhân cách; đó là những yếu tố kinh tế - xã hội, môi trường, mục tiêu giáo dục chung của thời kỳ CNH, HĐH; đó là quy luật của quá trình nhận thức, sự vận động có ý thức của các chủ thể tham gia vào quá trình GDNGCK trong và ngoài Nhà trường ĐH. QLHĐGDNGCK phụ thuộc vào rất nhiều các thành tố. Vì vậy, QLHĐGDNGCK phải có một hệ thống giải pháp tác động vào các yếu tố, trước hết là các chủ thể tham gia. Các biện pháp phải phát huy tính tích cực, nhu cầu, hứng thú…của SV; phải nâng cao ý thức, trách nhiệm của đội ngũ CBQL, GV; phát triển mối quan hệ với địa phương, với các tổ chức XH và các cơ quan kinh tế, văn hóa đóng trên địa bàn thì quá trình GDNGCK mới thực sự có hiệu quả bền vững.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo là vấn đề có tính cấp thiết đối với mỗi cơ sở giáo dục đặc biệt là GDĐH. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị "Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài" cho quê hương đất nước .

2. Khuyến nghị

Để góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả các HĐGDNGCK của các trường đại học chúng tôi có một số khuyến nghị sau:

2.1. Bộ Giáo dục và đào tạo

2.2. Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

2.3. Đối với UBND các tỉnh nơi các trường đại học đóng trên địa bàn

2.4. Hiệu trưởng trường đại học